**Tiết PPCT: 23,27,28**

**TÊN BÀI DẠY: ƯỚC CHUNG VÀ ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT**

Thời gian thực hiện: 03 (tiết)

**I. Mục tiêu**:

**1. Về kiến thức:**

- Hs biết được khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất của hai số, ba số; hai số nguyên tố cùng nhau.

- Biết tìm ước chung, ước chung lớn nhất của hai số, ba số bằng cách liệt kê ra các ước của mỗi số; tìm được các ước chung của hai số khi biết ước chung lớn nhât của hai số đó.

**2. Về năng lực:**

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực đặc thù*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất; hai số nguyên tố cùng nhau, phát biểu ý kiến cá nhân, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học:thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp để thấy được mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số;

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học: tìm được ước chung lớn nhất của hai số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: vận dụng được cách tìm ước chung, ước chung lớn nhất trong các bài toán thực tế đơn giản.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Sử dụng được cách tìm ước chung lớn nhất của hai số để rút gọn một phân số về phân số tối giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

HSKT: Nhận biết tìm ước chung, ước chung lớn nhất của hai số, ba số bằng cách liệt kê ra các ước của mỗi số

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** Bảng gồm hai dòng, nhiều cột để HS điền các ước, bảng bài tập 2, phiếu bài tập cho học sinh, máy chiếu.

**2. Học sinh:** thước thẳng, bảng nhóm, bút dạ

**III. Tiến trình dạy học**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

- ***Bài toán chia trái cây:*** Thầy giáo chuẩn bị 30 miếng dứa và 48 miếng dưa hấu để liên hoan lớp. Thầy giáo muốn chia số trái cây trên vào một số đĩa sao cho mỗi đĩa có số miếng mỗi loại quả như nhau.

+ Thầy giáo có thể chia như thế vào bao nhiêu đĩa ?

+ Số đĩa nhiều nhất mà thầy giáo có thể dùng là bao nhiêu ?

**a) Mục tiêu :**

- HS bước đầu hình thành khái niệm ước chung; ước chung lớn nhất của hai số.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu trả lời hai câu hỏi:

Câu 1: Thầy giáo có thể chia như thế vào bao nhiêu đĩa ?

Câu 2: Số đĩa nhiều nhất mà thầy giáo có thể dùng là bao nhiêu ?

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS đọc bài toán mở đầu, suy nghĩ và hoạt động theo nhóm

**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**

- Đọc đề bài, suy nghĩ, trả lời hai câu hỏi của bài toán mở đầu.

- Thảo luận nhóm viết các kết quả.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả.

- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.

- Câu 1: Nếu nhóm ra kết quả có thể chia vào 3 đĩa, GV hỏi: “Tại sao lại chia được vào 3 đĩa? Xét quan hệ ước và bội, số 3 có quan hệ gì với số 30, với số 48 ? “ $\rightarrow $ GV kết luận: Số 3 được gọi là ước chung của 30 và 48.

Câu 2: Nếu Hs đưa ra đáp án là 6, GV hướng dẫn, chỉ ra cái sai $\rightarrow $ GV kết luận: số 6 được gọi là ước chung lớn nhất của 30 và 48.

GV đặt vấn đề : Vậy các số như thế nào thì được gọi là ước chung của hai số ? Và ước chung lớn nhất của hai số là một số như thế nào ?

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1. Ước chung và ước chung lớn nhất**

**1.1.** **Khái niệm ước chung và ước chung lớn nhất**

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được khái niệm ước chung và ước chung lớn nhất của hai số, sử dụng cách viết tập hợp ước chung; ước chung lớn nhất của hai số.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần 1), điền vào bảng các ước của 30 và 48; phát biểu được khái niệm ước chung và ước chung lớn nhất của hai số.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, Luyện tập 1, Luyện tập 2 (SGK trang 48),

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Yêu cầu HS đọc SGK và lần lượt thực hiện các yêu cầu đề ra trong hoạt động 1.- Yêu cầu học sinh đọc khái niệm trong SGK.( HS khuyết tật đọc để rèn kĩ năng đọc )**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS lần lượt thực hiện các yêu cầu trong hoạt động 1;- HS nêu khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán (viết trên bảng).- HS cả lớp quan sát, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV giới thiệu khái niệm ước chung, ước chung lớn nhất của hai số như SGK trang 47, yêu cầu vài HS đọc lại.- GV nêu quy ước trong SGK trang 47. | **1. Ước chung và ước chung lớn nhất****a) Ví dụ****b) Khái niệm**- Số tự nhiên n được gọi là ước chung của hai số a và b nếu n vừa là ước của a vừa là ước của b.- Số lớn nhất trong các ước chung của a và b được gọi là ước chung lớn nhất của a và b.**c) Quy ước**- Tập hợp các ước chung của a và b : ƯC(a, b) ;- Ước chung lớn nhất của a và b : ƯCLN(a, b). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1, SGK trang 47.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 1, Luyện tập 2 SGK trang 47.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 1, - Kết quả luyện tập 1, luyện tập 2.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua ví dụ 1 GV hướng dẫn Hs mở rộng khái niệm đã học cho ba số và được củng cố luyện tập thông qua Luyện tập 2. | **d) Áp dụng****- Ví dụ 1 (SGK/48)****- Chú ý:** Số tự nhiên n được gọi là ước chung của ba số *a, b, c* nếu n là ước của cả ba số *a, b, c.*- **Luyện tập 1 (SGK/48)**a) Số 8 là ước chung của 24 và 56 vì 8 vừa là ước của 24 vừa là ước của 56.b) Số 8 không phải là ước chung của 14 và 48 vì 8 là ước của 48 nhưng không là ước của 14. **- Luyện tập 2 (SGK /48)**Số 7 là ước chung của 14, 49 và 63 vì 7 vừa là ước của 14 vừa là ước của 49 vừa là ước của 63 |

**1.2: Quan hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất**

**a) Mục tiêu:**

- Hs thấy được mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số, biết tìm các ước chung của hai số khi biết ước chung lớn nhất của hai số đó.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc ví dụ 2, và thực hiện HĐ2, SGK trang 48 từ đó dự đoán và phát biểu mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số.

- Làm các bài tập ví dụ 3, luyện tập 3

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải hoạt động 2, luyện tập 3 SGK trang 48, 49.

- Hs ghi được vào vở mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Đọc ví dụ 2; thực hiện HĐ2, trong SGK trang 48- Dự đoán và phát biểu mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện HĐ2, - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2, chuẩn hóa kết luận về mối liên hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất của hai số | **- Ví dụ 2 (SGK/48)****e) Quan hệ giữa ước chung và ước chung lớn nhất****HĐ 2:**a) b) ƯCLN(24, 36) = 12c) ƯCLN(24, 36) chia hết cho các ước chung của hai số đó.**\* Nhận xét:** Ước chung của hai số là ước của ước chung lớn nhất của chúng. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm ví dụ 3 SGK trang 49.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 3SGK trang 49.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 3, - Kết quả luyện tập 3.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua ví dụ 3 vận dụng tính chất vừa học để tìm ước chung của hai số khi biết ước chung lớn nhất của hai số đó | **- Ví dụ 3 (SGK/49)**- **Luyện tập 3 (SGK/49)**Vì ước chung của *a* và *b* đều là ước của ƯCLN(*a, b*) = 80 nên tất cả các số có hai chữ số là ước chung của *a* và *b* là: 10, 16, 20, 40, 80. |

**Hoạt động 2.2: Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh học được cách tìm ước chung lớn nhất của hai số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc nội dung HĐ3 SGK trang 49 từ đó đưa ra các bước tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố

- Vận dụng làm bài ví dụ 4, Luyện tập 4 SGK trang 49, 50.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Các bước tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố

- Lời giải luyện tập 4 SGK trang 49, 50.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ3 trong SGK trang 49- Phát biểu các bước tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cặp đôi, cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV hướng dẫn Hs làm từng bước trong HĐ3- GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình các bước tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3, chuẩn hóa các bước tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố | **2. Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố**- Tổng quát: + Bước 1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố+ Bước 2: Chọn ra các thừa số nguyên tố chung+ Bước 3: Với mỗi thừa số nguyên tố chung, ta chọn lũy thừa với số mũ nhỏ nhất+ Bước 4: Lấy tích của các lũy thừa đã chọn, ta nhận được ước chung lớn nhất cần tìm. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân ví dụ 4 SGK trang 49 rút ra nhận xét- Làm bài Luyện tập 4 SGK trang 50.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 4, - HS lên bảng kết quả phần luyện tập 4- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Sau khi học sinh nắm được quy tắc tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố, GV cho Hs ghi nhớ ở phần chú ý SGK trang 50. | **- Ví dụ 4 (SGK/50)**- **Luyện tập 4 (SGK/50)**+ + Chọn ra các thừa số nguyên tố chung của 126 và 162 là 2 và 3.+ Số mũ nhỏ nhất của 2 là 1; số mũ nhỏ nhất của 3 là 2.+ **\* Chú ý:** + Nếu hai số đã cho không có thừa số nguyên tố chung thì ước chung lớn nhất của chúng bằng 1.+ Nếu thì ƯCLN(*a, b)* = *b.*  |

**Hoạt động 2.3: Hai số nguyên tố cùng nhau**

**2.3.1. Hai số nguyên tố cùng nhau**

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu thực hiện HĐ4 SGK trang 50,

- Vận dụng làm ví dụ 5, luyện tập 5 SGK trang 50.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải HĐ4, ví dụ 5, luyện tập 5 SGK trang 50.

- Phát biểu được khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**- Thực hiện HĐ4 trong SGK trang 50.- Làm ví dụ 5, luyện tập 5 SGK trang 50 theo nhóm bàn.- Ở ví dụ 5, HS trả lời các câu hỏi:  + Số 6 có những ước nguyên tố nào ? + Nếu số 6 và số *a* là hai số nguyên tố cùng nhau thì số *a* có hai ước nguyên tố là 2 và 3 được không? + Vậy số a có thể là số nào ?**\* HS thực hiện nhiệm vụ :**- HS thực hiện các yêu cầu HĐ4 SGK trang 50 theo cá nhân.- HS hoạt động theo nhóm thực hiện ví dụ 5, luyện tập 5 SGK trang 50.**\* Báo cáo, thảo luận :**- GV yêu cầu HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện HĐ4.- GV yêu cầu HS rút ra khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau.- GV yêu cầu một vài nhóm trình bày ví dụ 5 và luyện tập 5.**\* Kết luận, nhận định :** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ4, GV kết luận: Ước chung lớn nhất của 8 và 27 là 1. Ta nói hai số 8 và 27 là hai số nguyên tố cùng nhau. | **3.Hai số nguyên tố cùng nhau****a) Hai số nguyên tố cùng nhau****HĐ 4:**Ta có: 8 = 23 ; 27 = 33. ƯCLN(8, 27) = 1.- Hai số nguyên tố cùng nhau là hai số có ước chung lớn nhất bằng 1.**- Ví dụ 5 (SGK/50)****- Luyện tập 5 (SGK?50)**Hai số 24 và 35 nguyên tố cùng nhau vì ƯCLN(24, 35) = 1 |

**2.3.2. Phân số tối giản**

**a) Mục tiêu:**

- HS nắm được khái niệm phân số tối giản, biết rút gọn một phân số có tử và mẫu dương về phân số tối giản nhờ tìm được ước chung lớn nhất của tử số và mẫu số.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu thực hiện HĐ5 SGK trang 50, từ đó GV dẫn dắt HS vào khái niệm phân số tối giản

- Vận dụng làm ví dụ 6 SGK trang 50.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải HĐ5 SGK trang 50.

- Phát biểu được khái niệm phân số tối giản

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập :**- Thực hiện HĐ5 trong SGK trang 50.- Làm ví dụ 6, SGK trang 50 theo cá nhân HS.**\* HS thực hiện nhiệm vụ :**- HS thực hiện các yêu cầu HĐ5, ví dụ 6 SGK trang 50 theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận :**- GV yêu cầu HS lên bảng trình bày kết quả thực hiện HĐ5, một vài học sinh nên bảng thực hiện ví dụ 6 theo một số cách khác nhau.**\* Kết luận, nhận định :** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ5, GV dẫn dắt HS vào khái niệm phân số tối giản.- Ví dụ 6 GV yêu cầu Hs tự làm theo kiến thức đã có. GV kết luận : Có thể rút gọn nhanh hơn bằng cách chia cả từ và mẫu cho ước chung lớn nhất của chúng. | **b) Phân số tối giản**Ta có: 4 = 22 ; 9 = 32. ƯCLN(4, 9) = 1.- Phân số tối giản là phân số có tử và mẫu là hai số nguyên tố cùng nhau.**- Ví dụ 6 (SGK/50)** |

**C. Hoạt động luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được khái niệm ước chung và ước chung lớn nhất của hai số, ba số; cách tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố, giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 4 đến 8 SGK trang 51.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 4 đến 8 SGK trang 51.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:****-** Trình bày các bược tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.- Nhắc lại cách tìm ước chung thông qua tìm ước chung lớn nhất.- Làm các bài tập: Làm bài tập từ 4 SGK trang 30.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu 1 HS nêu lại các bược tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.- GV yêu cầu 1 HS lên bảng làm bài tập 4 .- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **3. Luyện tập****Dạng 1 : Tìm ƯC và ƯCLN****Bài tập 4 SGK trang 50**Ta có: 126 = 2.32.7;  150 = 2.3.52.ƯCLN(126, 150) = 2.3 = 6Vì các ước chung của 126 và 150 đều là ước của ƯCLN(126, 150) nên: ƯC(126,150)={1;2;3;6}. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**- Nêu cách rút gọn phân số về tối giản.- Hoạt động nhóm 4 HS làm bài tập 5, 6 SGK trang 51. **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS thực hiện các yêu cầu trên.- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 6: các phân số đã cho đã là phân số tối giản chưa ?**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- GV yêu cầu vài HS phát biểu cách rút gọn phân số.- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.- Đưa ra phương pháp rút gọn phân số: chia cả tử và mẫu cho ƯCLN của chúng - GV lưu ý HS: đối với bài toán rút gọn phân số, bước tìm ước chung lớn nhất của tử và mẫu có thể thực hiện ngoài giấy nháp. | **Dạng 2 : Rút gọn phân số****Bài tập 5 SGK trang 51**a) Ta có: 60 = 22.3.5; 72 = 23.32ƯCLN(60, 72) = 22.3 = 12.b) Ta có: 70 = 2.5.7; 95 = 5.19ƯCLN(70, 95) = 5c) Ta có: 150 = 2.3.52; 360 = 23.32.5ƯCLN(150, 360) = 2.3.5 = 30**Bài tập 6 SGK trang 51** Vậy các phân số bằng phân số là . |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**- Làm bài tập 7 SGK trang 51.- GV mở rộng bài toán 7: khi đó mỗi đội có bao nhiêu bạn nam, bao nhiêu bạn nữ ?**\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**- HS thực hiện yêu cầu trên.- Hướng dẫn, hỗ trợ: + Số đội chơi có là ước chung của 24 và 30 không?+ Vậy số đội chơi nhiều nhất là một số có quan hệ thế nào với 24 và 30 ?**\* Báo cáo, thảo luận 3:**- GV yêu cầu 1 Hs lên bảng trình bày.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 3:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.**\* GVgiao nhiệm vụ học tập 4:**- Làm bài tập 8 SGK trang 51 theo cặp đôi**\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**- HS thực hiện yêu cầu trên.- Hướng dẫn, hỗ trợ: ( quan tâm đến học sinh khuyết tật)+ Độ dài cạnh hình vuông có là ước chung của 48 và 42 không?+ Có bao nhiêu số là ước chung của 48 và 42 ?+ Độ dài cạnh hình vuông lớn nhất có quan hệ thế nào với 48 và 42 ?**\* Báo cáo, thảo luận 4:**- GV yêu cầu 1 cặp đôi trình bày hướng giải bài toán, một HS khác lên bảng trình bày.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 4:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS lấy điểm kiểm tra thường xuyên. | **Dạng 3: Một số bài toán thực tiễn** **Bài tập 7 SGK trang 51**Số đội chơi nhiều nhất là ước chung lớn nhất của 24 và 30Ta có: 24 = 23.3; 30 = 2.3.5 ƯCLN(24, 30) = 2.3=6Vậy có thể chia các bạn thành nhiều nhất là 6 đội chơi.Mở rộng:  Khi đó, mỗi đội có 24 : 6 = 4 (bạn nữ) và 30 : 6 = 5 (bạn nam).**Bài tập 8 SGK trang 51**Gọi a là độ dài cạnh của hình vuông (aa ). Ta có : => a là ước chung của 48 và 42. 48 = 24.3; 42 = 2.3.7ƯCLN(48, 42) = 2.3 = 6ƯC(48;42)={1;2;3;6}ƯDo đó Vậy số cách chia khu đất thành những mảnh hình vuông bằng nhau là 4 cách.Trong đó với cách chia có độ dài cạnh là 6m thì cạnh của mảnh đất hình vuông là lớn nhất.  |

**D. Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học ước chung và ước chung lớn nhất giải được một số bài toán thực tiễn

**b) Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà:

- Ôn lại các kiến thức đã học

- **Bài tập về nhà:**

 + Làm các bài tập trong SBT

 + Làm các bài tập :

**Bài 1**: Một tiết mục thể dục nhịp điệu có ba đội tham gia: đội một có 24 bạn, đội hai có 28 bạn, đội ba có 36 bạn. Trong tiết mục đó, cả ba đội phải xếp thành các hàng dọc sao cho số hàng dọc mỗi đội xếp được bằng nhau và không có bạn nào trong mỗi đội bị lẻ hàng. Hỏi trong tiết mục đó số hàng dọc nhiều nhất mà mỗi đội có thể xếp được là bao nhiêu ?

**Bài 2**: Trong một tiết học thủ công, bạn Bình có một tấm bìa hình chữ nhật có kích thước chiều rộng là 112mm và chiều dài 140 mm. Bạn Bình muốn cắt tấm bìa đó thành các mảnh nhỏ hình vuông bằng nhau, sao cho tấm bìa được cắt hết không còn mảnh nào. Tính độ dài cạnh hình vuông mà bạn Bình cắt được, biết độ dài cạnh hình vuông là một số tự nhiên nhỏ hơn 20 mm và lớn hơn 10 mm.

- Chuẩn bị giờ sau: các em hãy ôn lại các kiến thức về bội đã học và đọc trước nội dung bài 13 – Bội chung và bội chung nhỏ nhất SGK trang 53.